

## TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - THỔ NHĨ KỲ 2T/2023

Theo số liệu của Viện Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ đạt xấp xỉ 221,5 triệu USD trong tháng 1 năm 2023 tăng 40,6% so với 1 tháng năm 2022, trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ là 199,17 triệu USD tăng 41,7% trong khi kim ngạch nhập khẩu từ quốc gia này là 22,3 triệu USD tăng 31,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 2 tháng đầu 2022, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 299,8 triệu USD tăng 45,6% trong khi kim ngạch nhập khẩu là 51,34 triệu USD giảm 14,9% so với cùng giai đoạn năm 2022.

*Trong 2 tháng đầu năm 2023, sắt thép các loại ghi nhận sự tăng trưởng đột biến, tăng tới 14.163,6% so với 2 tháng năm 2022, đạt 57 triệu USD chiếm 19,02% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ. Trong tháng 1 trước đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này cũng được ghi nhận theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam lên tới 33,75 triệu USD tăng 24.752,2 % so với cùng kỳ năm 2022, trong khi theo số liệu của Viện Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ, trong 1 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu sắt thép (mã HS 72) của Thổ Nhĩ Kỳ từ Việt Nam chỉ hơn 227 nghìn USD. Vì vậy, trên thực tế, khả năng phần lớn sản lượng sắt thép nhập khẩu từ Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ được tái xuất sang 1 nước thứ 3 trong khu vực thay vì được tiêu thụ tại thị trường nội địa.*

Bên cạnh đó, mặt hàng xơ sợi dệt các loại đã từng liên tục nằm trong 3 nhóm hàng hóa dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ nhưng đã ghi nhận sự giảm sút liên tục trong 2 tháng đầu năm 2023. Cụ thể, trong tháng 1, nhóm hàng này giảm 68,5% so với cùng kỳ 2022, trong 2 tháng đầu năm nay, nhóm sản phẩm này ghi nhận mức giảm 67,5% so với 2 tháng 2022, chỉ đạt xấp xỉ 7,87 triệu USD. Nguyên nhân dẫn đến vấn đề trên là do những năm vừa qua, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã liên tục áp thuế CBPG lên nhiều dòng sản phẩm riêng lẻ của Việt Nam trong nhóm này, gần đây nhất vào năm 2022 Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã quyết định áp thuế CBPG đối với Sợi Polyester kéo giãn toàn phần (HS 5402.47) xuất xứ từ Việt Nam với mức thuế lên tới 37,54%/giá CIF. Vì vậy, ngành xơ sợi dệt các loại của Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn trong việc xuất khẩu vào thị trường này.

Ngược lại, các nhóm ngành sản phẩm điện thoại các loại và linh kiện, các sản phẩm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện vẫn là các nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam vào Thổ Nhĩ Kỳ và liên tục tăng trưởng. Kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện đạt 68,84 triệu USD tăng 22% so với 2 tháng năm 2022, chiếm 22,96% tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam. Theo sau là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt xấp xỉ 29,2 triệu USD tăng 14,7, chiếm tỷ trọng 9,74%. Các nhóm sản phẩm khác bao gồm máy móc thiết bị, giày dép các loại, hạt tiêu, gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu vào thị trường Thổ Nhĩ Kỳ cũng tăng trưởng mạnh mẽ. Ngược lại, các sản phẩm như cao su và sản phẩm từ cao su, chất dẻo và sản phẩm từ chất dẻo đang có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước.

***Các mặt hàng xuất khẩu chính sang Thổ Nhĩ Kỳ trong 2 tháng năm 2023***

STT	Sản phẩm	Kim ngạch xuất khẩu 2T/2023 (USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)
1	Điện thoại các loại và linh kiện	68.842.971	22,0	22,96
2	Sắt thép các loại	57.027.273	14.163,6	19,02
3	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	29.188.601	14,7	9,74
4	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	27.432.185	123,5	9,15
5	Giày dép các loại	22.859.732	201,9	7,62
6	Phương tiện vận tải và phụ tùng	11.976.515	17,6	3,99
7	Xơ, sợi dệt các loại	7.869.795	-67,5	2,62
8	Hàng dệt, may	7.274.985	1,0	2,43
9	Cao su	5.233.811	-52,4	1,75
10	Hạt tiêu	2.893.359	172,8	0,97
11	Gỗ và sản phẩm gỗ	2.658.806	694,7	0,89
12	Sản phẩm từ chất dẻo	1.917.765	-9,4	0,64
13	Hàng thủy sản	1.274.528	-8,5	0,43
14	Sản phẩm từ cao su	1.088.679	-2,9	0,36
15	Chất dẻo nguyên liệu	973.810	-94,2	0,32
16	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	632.316	-15,8	0,21
17	Gạo	343.686	-	0,11
18	Chè	46.861	-	0,02
	<b>Tổng cộng</b>	<b>299.824.037</b>	<b>45,6</b>	

*Nguồn: Hải quan Việt Nam*

Về nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ, trong 2 tháng năm nay, tổng kim ngạch nhập khẩu vào Việt Nam đạt 51,3 triệu USD, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2022. Kim ngạch nhập khẩu giảm ở hầu hết các mặt hàng, đặc biệt hóa chất và các sản phẩm hóa chất, sắt thép các loại và thức ăn gia súc. Trong khi đó, dược phẩm và linh kiện phụ tùng ô tô ghi nhận sự tăng trưởng mạnh, cụ thể, nhóm dược phẩm tăng 84,6% lên 4,94 triệu USD, còn linh kiện, phụ tùng ô tô đạt 4 triệu USD tăng đột biến tới 332,9%.

***Các mặt hàng nhập khẩu chính từ Thổ Nhĩ Kỳ trong 2 tháng năm 2023***

STT	Mặt hàng	Kim ngạch NK 2T/2023 (USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)
1	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	8.793.221	-6,3	17,13

2	Dược phẩm	4.943.956	84,6	9,63
3	Linh kiện, phụ tùng ô tô	4.099.313	332,9	7,98
4	Vải các loại	3.998.851	-12,6	7,79
5	Hàng điện gia dụng và linh kiện	1.392.006	29,4	2,71
6	Sản phẩm từ chất dẻo	1.345.108	8,0	2,62
7	Sản phẩm hóa chất	938.381	-84,0	1,83
8	Quặng và khoáng sản khác	627.587	-50,1	1,22
9	Hóa chất	618.438	-89,6	1,20
10	Sắt thép các loại	272.824	-61,3	0,53
11	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	244.540	-57,9	0,48
12	Nguyên phụ liệu thuốc lá	54.797	-	0,11
	<b>Tổng cộng</b>	<b>51.340.017</b>	<b>-14,9</b>	

*Nguồn: Hải quan Việt Nam*

**Thương vụ Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ**